

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HSST

Ngày: 14-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T – TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang H.
2. Ông Nguyễn Văn C.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn T và Ông Lê Văn H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 và ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2021/TLST - HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-HSST, ngày 21 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thanh T, sinh năm: 1985. Tại: Long A. Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Phụng A và bà Võ Thị Ln; bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Tg (đã ly hôn); có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012; tiền án - tiền sự: không; nhân thân: ngày 13/02/2018, bị Công an huyện Tân T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 7.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; đã đóng phạt xong ngày 26/02/2018. Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/9/2021, tạm giam ngày 20/9/2021 cho đến nay (có mặt).

2. Phạm Văn Dn, sinh ngày 01/9/1989. Tại: Tân T, Long A. Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Phụng A và bà Võ Thị Ln; bản thân có vợ tên Lê Thị Diễm Th (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2014; tiền án - tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Văn D, sinh năm: 1998. Tại: Tân T, Long A. Nơi cư trú: ấp Hoàng M, xã Hậu Thạnh Đ, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị B; bản thân chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị D, sinh năm 2000 (đến tháng 11 năm 2021 không còn chung sống với nhau); có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhã U sinh năm 2018; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Lê Thế Dy, sinh ngày 24/4/1994. Tại: Long A. Nơi cư trú: ấp Hoàng M, xã Hậu Thạnh Đ, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th và bà Nguyễn Thị Đg; bản thân chưa có vợ, con; tiền án; không; tiền sự: không; Nhân thân: ngày 22/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bị hại:

1. Nguyễn Duy Đ, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: ấp Mỹ T 3, xã Mỹ Q, huyện Tháp M, tỉnh Đồng T (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Trần Văn Dũng Lm, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Đ, xã Ngọc T, huyện Giồng R, tỉnh Kiên G (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Trọng Q, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: ấp Hoàng M, xã Hậu Thạnh Đ, huyện Tân T, tỉnh Long A

2. Đinh Quốc Qn, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: ấp Giồng D, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A

3. Lê Văn P, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A

4. Nguyễn Văn Qn, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: ấp Thận Cần, xã Bắc Hòa, huyện Tân T, tỉnh Long A

5. Phạm Văn Tp, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A

6. Nguyễn Thị L, sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A

7. Lê Văn Th, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng giữa tháng 8 năm 2020, do biết được anh Nguyễn Duy Đ là nhân viên quản lý trại nuôi cá, thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đ thường thu mua và nuôi cá tại khu vực ấp Hoà T, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A nên Đinh Quốc Qn, Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn Qn có ý định đe dọa, uy hiếp đối với anh Nguyễn Duy Đ phải nộp tiền hàng tháng. Vào ngày 23/8/2020, Q gọi điện thoại rủ Đinh Quốc Qn đến nhà Q để uống bia. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Đinh Quốc Qn đến nhà Q thì gặp các đối tượng gồm: Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn Qn, Phạm Thanh T, Phạm Văn Dn, Nguyễn Văn D, Lê Thế Dy, Nguyễn Thị L. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Q rủ cả nhóm cùng đi đến quán bia, nước giải khát do chị Nguyễn Thị Thùy Dg làm chủ, thuộc ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A (cách trại nuôi cá do anh Đ quản lý khoảng 100m), nhằm mục đích kêu anh Đ đến để đe dọa, uy hiếp yêu cầu Đ nộp tiền “Bảo kê” hàng tháng, cả nhóm đồng ý cùng đi, riêng Nguyễn Thị L không tham gia. Khi đến quán của chị Dg, Q kêu chị Dg đem bia ra để cả nhóm cùng uống, đồng thời Q gọi điện thoại kêu anh Đ ra quán chị Dg để gặp cả nhóm. Cùng lúc này, Đinh Quốc Qn gọi điện thoại rủ Lê Văn P đến cùng tham

gia nhậu. Khi anh Đ đến quán, Q cùng với Đinh Quốc Qn dùng lời nói đe dọa buộc anh Đ phải nộp tiền bảo kê hàng tháng. Q biết được anh Trần Văn Dũng Lm cũng là nhân viên quản lý trại nuôi cá “Vạn Đức” chung với anh Đ nên Q yêu cầu anh Đ gọi điện thoại kêu anh Lm đến. Khi anh Lm đến, Q, Đinh Quốc Qn, P, T đe dọa, uy hiếp đối với anh Đ và anh Lm yêu cầu mỗi người phải nộp tiền “Bảo kê” hàng tháng cho cả nhóm mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nếu không đồng ý, thì sẽ gây khó khăn trong quá trình nuôi cá, anh Lm xin giảm số tiền xuống, thì bị Q dùng tay đẩy mạnh vào người anh Lm làm anh Lm té xuống đất, còn P dùng ly thủy tinh đang uống bia ném vào người anh Lm nhưng không trúng, làm ly thủy tinh bị vỡ. Do hoảng sợ và sợ bị ảnh hưởng đến việc nuôi cá, nên anh Lm và anh Đ đồng ý nộp tiền “Bảo kê” theo yêu cầu nhóm của Q và hứa sẽ nộp tiền vào ngày 11 hàng tháng (dương lịch), kể từ tháng 9/2020. Sau đó, Nguyễn Văn Qn đề nghị Qn sẽ trực tiếp thu tiền bảo kê của Đ và Lm hàng tháng.

Đến khoảng 07 giờ ngày 11/9/2020, anh Lm và anh Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Qn năn nỉ xin giảm số tiền nộp bảo kê xuống cho mỗi người nộp 2.000.000 đồng/tháng, thì Qn đồng ý và Nguyễn Văn Qn có nói lại sự việc anh Đ, anh Lm xin giảm số tiền nêu trên cho Q biết và Q cũng đồng ý. Thời gian từ ngày 11/9/2020 đến ngày 12/11/2020, Nguyễn Văn Qn đã trực tiếp thu tiền bảo kê của anh Đ và anh Lm 03 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 11/9/2020, Nguyễn Văn Qn hẹn Đ và Lm đến tại quán cà phê của “Đài Tản”, thuộc ấp Hòa H, xã Bắc Hòa, huyện Tân T để nộp tiền bảo kê. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Qn điều khiển xe mô tô biển số 62E1-203.36 đến quán cà phê “Đài Tản”. Nguyễn Văn Qn thấy trong quán có nhiều người nên tiếp tục điều khiển xe về hướng xã Bắc Hòa đậu trên Tỉnh lộ 837B, cách quán cà phê “Đài Tản” khoảng 50 mét, Nguyễn Văn Qn gọi điện thoại cho Lm, Đ đến và lấy tiền bảo kê mỗi người 2.000.000 đồng, tổng cộng 4.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Văn Qn điều khiển xe và đem tiền về quán nhậu “An Mập”, thuộc ấp Nguyễn S, xã Nhơn Hòa L, huyện Tân T gặp Q, Dn, T đang uống bia tại quán, Nguyễn Văn Qn đưa cho Dn 2.000.000 đồng và kêu Dn chia lại cho Đinh Quốc Qn và Lê Văn P, Nguyễn Văn Qn chia cho Dn 200.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn Qn dùng trả tiền uống bia chung với Q, Dn, T. Sau đó, Dn gọi điện thoại kêu P đến quán “An Mập”, Dn chia cho P 1.500.000 đồng, còn 500.000 đồng Dn cất giữ.

Lần thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 11/10/2020, Nguyễn Văn Qn gọi điện thoại hẹn anh Đ và anh Lm đến quán cà phê “Đài Tũn” để nộp tiền bảo kê. Sau đó anh Đ đến quán cà phê “Đài Tũn” đưa bảo kê cho Nguyễn Văn Qn 4.000.000 đồng (gồm tiền của anh Lm 2.000.000 đồng, do anh Lm bận công việc không đến được), Nguyễn Văn Qn nhận tiền rồi đi đến nhà Q tổ chức nhậu chung với Q, Dn, D, Dy. Tại đây, Nguyễn Văn Qn chia cho Dn 2.000.000 đồng để Dn chia lại cho Đình Quốc Qn và P, nhưng Dn không chia lại cho P và Đình Quốc Qn. Nguyễn Văn Qn đưa cho Q 400.000 đồng để mua đồ nhậu, chia cho D và Dy mỗi người 100.000 đồng, số tiền còn lại 1.100.000 đồng Nguyễn Văn Qn trả tiền mua bia cho cả nhóm nhậu chung và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Khoảng 07 giờ ngày 12/11/2020, Nguyễn Văn Qn gọi điện thoại hẹn anh Lm, Đ đem tiền đến quán cà phê “Đài Tũn” nộp tiền bảo kê. Sau đó, Nguyễn Văn Qn đến quán “Đài Tũn”, đến khoảng 07 giờ 15 phút cùng ngày, anh Đ và anh Lm đến gặp Nguyễn Văn Qn, mỗi người đưa tiền “bảo kê” cho Nguyễn Văn Qn 2.000.000 đồng, tổng cộng 4.000.000 đồng, sau khi Nguyễn Văn Qn nhận tiền xong, thì bị lực lượng Công an huyện Tân T bắt quả tang.

Ngoài ra, vào ngày 12/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T tiếp nhận đơn tố giác về tội phạm của anh Đặng Văn Dyn, nội dung tố giác 02 đối tượng Lê Văn P, Phạm Văn Tp có hành vi đe dọa, uy hiếp buộc anh Dyn phải nộp tiền bảo kê khi anh Dyn mua lúa tại xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A. Quá trình điều tra xác định được:

Khoảng giữa tháng 9 năm 2020, Phạm Văn Tp biết được anh Đặng Văn Dyn thường thu mua lúa tại khu vực gần nhà Tp nên nảy sinh ý định cưỡng đoạt tài sản của anh Dyn bằng hình thức thu tiền bảo kê khi anh Dyn mua lúa trên địa bàn xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T. Tiếp rủ Lê Văn P cùng thực hiện thì P đồng ý. Tp kêu anh Dyn đến nhà Tp và dùng lời nói đe dọa, uy hiếp đối với anh Dyn, yêu cầu anh Dyn phải nộp tiền “Bảo kê” cho Tp số tiền 5.000 đồng/1 tấn lúa do anh Dyn mua được, nếu anh Dyn không đồng ý thì sẽ gây khó khăn, không cho anh Dyn thu mua lúa trên địa bàn, anh Dyn sợ Tp sẽ gây khó khăn trong việc làm ăn nên đồng ý nộp tiền bảo kê theo yêu cầu của Tp. Đến khoảng 07 giờ ngày 30/10/2020, Tp kêu P gọi điện thoại kêu anh Dyn đến nhà Tp để nói chuyện việc nộp tiền bảo kê. Khoảng 08 giờ cùng ngày, anh Dyn đến nhà Tp gặp Tp, P, lúc đó có anh Lê Văn Th (anh ruột P, Th đến nhà Tp chơi trước đó). Anh Dyn nói với Tiếp, P sẽ nộp tiền “Bảo kê” cho

Tp, P 500.000 đồng, do anh Dyn đã mua được 100 tấn lúa nhưng Tp, P không đồng ý, đồng thời lớn tiếng đe dọa, uy hiếp yêu cầu anh Dyn phải đưa tiền bảo kê 1.500.000 đồng, anh Dyn xin giảm xuống nộp tiền bảo kê 1.000.000 đồng thì Tp, P đồng ý. Anh Dyn đưa số tiền 1.000.000 đồng cho Th nhờ Th chuyển qua cho Tp. Sau đó, Tiếp cùng với P mua bia và đồ nhậu hết, có Th tham gia nhậu.

Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Tân T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn Qn, Đinh Quốc Qn, Lê Văn P, Phạm Văn Tp. Ngày 01/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Tân T đã xét xử đối với Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn Qn, Đinh Quốc Qn, Lê Văn P, Phạm Văn Tp. Bản án đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Đối với Phạm Thanh T, Phạm Văn Dn, Nguyễn Văn D, Lê Thế Dy, Nguyễn Thị L, Lê Văn Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T đã ban hành quyết định tách vụ án số 01/QĐ-CSĐT ngày 09/4/2021 để tiếp tục điều tra.

Trong quá trình điều tra, Phạm Thanh T không thành khẩn khai báo, không thừa nhận hành vi đe dọa bị hại Đ, Lm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T trưng cầu giám định tiếng nói (giọng nói) trong đoạn Video do bị hại cung cấp. Mẫu cần giám định đã được giám định và chuyển thành văn bản (Bản lược nội dung gồm 08 trang giấy A4). Tại Bản Kết luận giám định số 1887/C09B ngày 31/5/2021 của Viện Khoa học Hình sự tại TP Hồ Chí Minh kết luận: Không thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file âm thanh mẫu cần giám định. Tiếng nói (giọng nói) người đàn ông trong (ký hiệu Tùng” trong “Bản lược dịch nội dung”) và tiếng nói của Phạm Thanh T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSTT, ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T truy tố Phạm Thanh T, Phạm Văn Dn, Nguyễn Văn D, Lê Thế Dy về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Đối với Nguyễn Thị L, Lê Văn Th, kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát kết luận Nguyễn Thị L, Lê Văn Th không đủ cơ sở xử lý về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện VKS giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phạm Thanh T 15-18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn Dn từ 12 -15 tháng tù.

Xử phạt: Nguyễn Văn D từ 12 -15 tháng tù.

Xử phạt: Lê Thế Dy từ 12 -15 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 04 bị cáo.

Vật chứng trong vụ án: đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đề nghị tịch thu sung nộp công quỹ Nhà nước nhà nước tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Dn đã nộp lại là 2.000.000đ, bị cáo Dể nộp 100.000đ, bị cáo Duy nộp 100.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: không có yêu cầu, nên không xem xét.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, đồng thời không có ý kiến tranh luận.

Các bị hại Nguyễn Duy Đ, Trần Văn Dũng Lm vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa hồ sơ thể hiện ý kiến, đồng thời cũng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện không có ý kiến, yêu cầu.

Tại lời nói sau cùng, tất cả các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già cần có người chăm sóc; các bị cáo Tùng, Dn, Dể có trách nhiệm nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với trình bày của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có cơ sở kết luận các bị cáo đã thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực và các hành vi khác để uy hiếp tinh thần của các bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Ngày 23/8/2020 bị cáo Phạm Thanh T, Phạm Văn Dn, Nguyễn Văn D, Lê Thế Dy đã cùng các đối tượng Nguyễn Trọng Q, Đinh Quốc Qn, Nguyễn Văn Qn, Lê Văn P dùng lời nói, hành động đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại Nguyễn Duy Đ, Trần Văn Dũng Lm đang là nhân viên của Công ty TNHH chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đ, buộc các bị hại phải nộp tiền bảo kê hàng tháng, nếu không sẽ dùng vũ lực và gây khó khăn cho trại nuôi cá của Công ty. Do Đ và Lm hoảng sợ nên đã đồng ý nộp tiền bảo kê theo yêu cầu của các bị cáo. Sau đó, Nguyễn Văn Qn trực tiếp thu tiền bảo kê của Đ và Lm ba lần: ngày 11/9/2020 thu 4.000.000 đồng; ngày 11/10/2020 thu 4.000.000 đồng; và ngày 12/11/2020 thu 4.000.000 đồng (bị lực lượng Công an huyện Tân T bắt quả tang, tạm giữ số tiền này, chưa chia), chiếm đoạt số tiền tổng là 12.000.000 đồng. Trong đó, số tiền 8.000.000 đồng chia nhau tiêu xài và tổ chức nhậu.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, để thực hiện ý định cưỡng đoạt tài sản của các bị hại, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội với vai trò khác nhau. Như vậy, hành vi trên của các bị cáo (04 bị cáo) đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 170 Bộ Luật hình sự.

Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể từng người, không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn mà không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 17 BLHS. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của đại

diện Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ Luật hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các (04) bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc trong nhân dân tại địa P. Các bị cáo nhận thức được hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực để uy hiếp tinh thần buộc người khác phải nộp tiền trái với ý muốn của họ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt một cách thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Các bị cáo đồng phạm trong việc thực hiện hành “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng với vai trò, tính chất, mức độ khác nhau. Do đó, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội từng bị cáo khi lượng hình. Cụ thể như sau:

[4.1] Bị cáo Tùng thực hiện hành vi phạm tội cưỡng đoạt tài sản của anh Đ, Lm thể hiện vào ngày 23/8/2020 đã cùng các đối tượng Đình Quốc Qn, Nguyễn Văn Qn, Lê Văn P, Nguyễn Trọng Q có lời nói và hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần của bị hại thể hiện qua đoạn file ghi âm do bị hại cung cấp. Tuy nhiên, sau đó Tùng không thành khẩn, không thừa nhận hành vi của mình, gây khó khăn cho cơ quan tố tụng trong giai đoạn điều tra. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T trưng cầu giám định, Kết luận giám định số 1887/C09B ngày 31/5/2021 của Viện Khoa học Hình sự tại TP Hồ Chí Minh kết “Tiếng nói (giọng nói) người đàn ông trong (ký hiệu Tùng)” trong “Bản lược dịch nội dung”) và tiếng nói của Phạm Thanh T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Tại phiên tòa T thừa nhận đã cùng các đối tượng khác (Qn, P, Q, Qn) có lời nói đe dọa các bị hại, sau khi Qn nhận được tiền bảo kê có tổ chức nhậ, có sự tham gia của T. Do đó, T phạm tội với vai trò cùng là người thực hành.

[4.2] Bị cáo Nguyễn Văn D, Phạm Văn Dn, Lê Thế Dy được các đối tượng Nguyễn Văn Qn, Nguyễn Trọng Q, Phạm Thanh T rủ cùng đi thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Dn, D, Dy đồng ý cùng đi. Tại địa điểm các đối tượng T, Q, P, Đình Quốc Qn, Nguyễn Văn Qn có hành vi dùng lời nói, hành động đe dọa bị hại, D, Dy không dùng lời nói, hành động mà chỉ tham gia ngồi cùng các đối tượng trên để tạo số đông, điều kiện thuận lợi về tinh thần cho các đối tượng khác uy hiếp về

mặt tinh thần của bị hại nhằm thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị hại Đ, Lm. Sau đó, khi cưỡng đoạt được tiền của bị hại, D, Dy được chia mỗi người số tiền 100.000đ và có tham gia nhậ chung từ số tiền chiếm đoạt được của bị hại nên có vai trò là người giúp sức. Đối với Phạm Văn Dn khi nghe Q rủ đi đến quán gần ao cá để gặp Đ, Lm thu tiền bảo kê Dn đồng ý cùng đi, đến địa điểm thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị hại, do Dn say rượu nên nằm ngủ. Sau đó, đã giúp sức cho Nguyễn Văn Qn chia tiền cho Lê Văn P, Đinh Quốc Qn, đồng thời bản thân có hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt của bị hại và có tham gia nhậ chung nên có vai trò là người giúp sức. Sau khi khởi tố vụ án, Dn không hợp tác, phải thông báo tìm kiếm mới ra đầu thú.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự:

Bị cáo Tùng đã cùng với Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn Qn, Đinh Quốc Qn, P có lời nói, hành vi đe dọa, ép buộc bị hại Đ, Lm phải nộp tiền “bảo kê”. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố vụ án, tại cơ quan điều tra T không thừa nhận hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT đã tách vụ án để tiếp tục điều tra và tiến hành trưng cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm mà bị hại Lm đã cung cấp. Sau khi có kết luận giám định T mới thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, cam kết chấp hành tốt quy định pháp luật nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Bị cáo Phạm Thanh T có ông ngoại là liệt sĩ; có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Dn, D, Dy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Dn, D, Dy đã nộp số tiền thu lợi bất chính nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự theo Án lệ số 48/2021/AL ngày 25/11/2021 về tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự “nộp lại tiền thu lợi bất chính”. Ngoài ra, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn; bị cáo Dn, D có con nhỏ; riêng bị cáo Dn còn có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đầu thú và có ông ngoại là liệt sĩ. Do đó các bị cáo còn được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Ngoài ra, khi quyết định hình phạt cần xem xét về nhân thân của các bị cáo. Thấy rằng:

Bị cáo T không có tiền án, tiền sự; về nhân thân: ngày 13/02/2018, bị Công an huyện Tân T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Đánh bạc”; đã đóng phạt xong ngày 26/02/2018.

Bị cáo Phạm Văn Dn, Nguyễn Văn D chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Lê Thế Dy chưa có tiền án, tiền sự; về nhân thân: ngày 21/6/2021 Duy bị Tòa án nhân dân huyện Tân T áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[8] Sau khi xem xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi vi phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời đảm bảo giáo dục, phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” các bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo khoản 5 điều 170 BLHS, nhưng xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Đối với đối tượng Nguyễn Thị L, L có tham gia nhậu chung tại nhà của bị cáo Q, sau khi nghe Q rủ cả nhóm cùng đi đến quán bia, nước giải khát do chị Nguyễn Thị Thùy Dg làm chủ, nhằm mục đích kêu anh Đ đến để đe dọa, uy hiếp nhằm buộc Đ nộp tiền “bảo kê” hàng tháng, L không tham gia, không được chia tiền, không cùng các đối tượng cưỡng đoạt tài sản của bị hại sử dụng số tiền chiếm đoạt của bị hại nên không đồng phạm về tội cưỡng đoạt tài sản. Đối với Lê Văn Th, Th không biết, không tham gia với Phạm Văn Tp, Lê Văn P vào việc đe dọa, uy hiếp tinh thần của bị hại Đặng Văn Dyn để thu tiền bảo kê từ trước. Ngày

30/10/2020 Th có mặt tại nhà của Tp để chơi bida trước khi anh Dyn đến. Khi Dyn đến có lấy tiền “bảo kê” đưa cho Tp, do Thành đứng gần Tp nên Dyn đưa tiền cho Th cầm chuyển qua cho Tp. Th không được chia tiền nên không đồng phạm với Tp, P về hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị hại Dyn.

Nguyễn Thị L biết các đối tượng Q, Nguyễn Văn Qn, Đinh Quốc Qn, P, Tùng, Dn, D, Dy, Dn thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với anh Đ, anh Lm; Lê Văn Th biết các đối tượng P, Tp thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với anh Dyn nhưng không tố giác, trình báo cơ quan Công an. Tuy nhiên, hành vi không tố giác tội phạm về tội “Cưỡng đoạt tài sản” không được quy định trong cấu thành tội phạm về tội “Không tố giác tội phạm theo quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự nên không xử lý đối với Nguyễn Thị L, Lê Văn Th.

[11] Về vật chứng:

[11.1] Tiền Việt Nam 2.000.000đ do Phạm Văn Dn giao nộp, 100.000đ do Nguyễn Văn D giao nộp, 100.000đ do Lê Thế Dy giao nộp. Đây là số tiền tương đương số tiền mà Dn, D, Dy được chia sau khi chiếm đoạt của bị hại Đ, Lm. Dn được Qn giao để chia cho Dn, P, Đinh Quốc Qn nhưng Dn mượn lại sử dụng. Các bị hại Đ, Lm đã được các đối tượng Q, Nguyễn Văn Qn, Đinh Quốc Qn, P bồi thường thiệt hại xong nên số tiền Dn, Duy, D giao nộp cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[11.2] 01 (một) đĩa DVD nhãn hiệu “MING SHENG” lưu file ghi âm có tên “23 thg 8. Mp3” thời lượng là 22 phút 18 giây; 01 (một) đĩa DVD nhãn hiệu “MING SHENG” lưu file ghi âm có tên “Ghi âm Tùng. Mp3” thời lượng là 05 phút 34 giây do bị hại Trần Văn Dũng Lm giao nộp, đây là một trong những chứng cứ chứng minh hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo nên cần lưu giữ kèm theo hồ sơ chính vụ án.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa các bị hại Nguyễn Duy Đ và Trần Văn Dũng Lm vắng mặt, nhưng trong hồ sơ thể hiện anh Đ đã nhận 6.000.000 đồng, anh Lm đã nhận 6.000.000 đồng. Hiện anh Đ, Lm có đơn đề nghị xử vắng mặt và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[13] Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt, về xử lý vật chứng có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] Về án phí: cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh T, Phạm Văn Dn, Nguyễn Văn D, Lê Thế Dy cùng phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Đối với bị cáo Phạm Thanh T: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 17/9/2021).

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Thanh T 45 ngày kể từ ngày tuyên án (14/3/2022) để đảm bảo thi hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Áp dụng Án lệ số 48/2021/AL ngày 25/11/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “nộp lại tiền thu lợi bất chính”;

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn Dn 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Lê Thế Dy 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tịch thu sung ngân sách các khoản tiền: số tiền 2.000.000đ do Phạm Văn Dn giao nộp; số tiền 100.000đ do Nguyễn Văn D giao nộp và 100.000đ do Lê Thế Dy giao nộp.

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 30/QĐ-VKSTT, ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T.

- Lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD nhãn hiệu “MING SHENG” lưu file ghi âm có tên “23 thg 8. Mp3” thời lượng là 22 phút 18 giây do Trần Văn Dũng Lm giao nộp; 01 (một) đĩa DVD nhãn hiệu “MING SHENG” lưu file ghi âm có tên “Ghi âm Tùng. Mp3” thời lượng là 05 phút 34 giây.

4. Về án phí: buộc các bị cáo Phạm Thanh T, Phạm Văn Dn, Nguyễn Văn D, Lê Thế Dy mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với phần nội dung bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long A;
- VKSND tỉnh Long A;
- VKSND huyện Tân T;
- Công an huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQL, NVLQ đến vụ án
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc A

